TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM MỸ** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày 08/02/2023
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM MỸ, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Tường Vy.

Các Hội thẩm nhân dân: + Bà Lại Thị Thuý Hằng;

+ Bà Vũ Thị Thuỳ Dương.

- Thư ký phiên tòa: bà Trần Thị Hoài Minh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Cẩm Mỹ, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên toà: bà Phạm Thị Thanh – Kiểm sát viên

Ngày 08 tháng 02 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Mỹ tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 294/2022/TLST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2022 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 104/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 12 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên toà số: 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Võ Thị M, sinh năm: 1969; địa chỉ: đường số 7, ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đ. *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Ông Lê Phước S, sinh năm: 1967; địa chỉ: đường số 7, ấp S, xã X, huyện C, tỉnh Đ. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện xin ly hôn ngày 20/6/2022, bản tự khai, đơn xin giải quyết vắng mặt, đơn xin không hoà giải, biên bản công khai chứng cứ, nguyên đơn là bà Võ Thị M trình bày: sau thời gian tìm hiểu, bà M và ông S đã tự nguyện chung sống với nhau và đăng ký kết hôn tại UBND xã X từ năm 1988. Trải qua thời gian dài chung sống, đến năm 2010 thì vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn do bà phát hiện ông S nhiều lần có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ, những người này còn nhắn tin xúc phạm bà; bản thân ông S khi được bà tha thứ thì không thay đổi mà vẫn hết lần này đến lần khác ngoại tình, không những không quan tâm vợ con lúc ốm đau mà về nhà còn chửi bới, đập phá đồ đạc và thậm chí có lời xúc phạm tới cha mẹ của bà. Bà M cảm thấy mâu thuẫn giữa hai người ngày càng lớn, tình trạng mâu thuẫn kéo dài khiến tinh thần, sức khoẻ bà bị ảnh hưởng, tình cảm vợ chồng phai nhạt, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được giải quyết ly hôn với ông S.

- Về con chung: vợ chồng có 02 con chung là Lê Cảnh T, sinh năm: 1989 và Lê Hoàng Yến T2, sinh năm: 1993. Hiện các con đều đã trưởng thành và có khả năng lao động.

- Về tài sản chung: không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về nợ chung: không có.

* Bị đơn vắng mặt trong tất cả những lần triệu tập làm việc và vắng mặt tại phiên toà nên không có lời khai.

* Theo biên bản lấy lời khai người làm chứng, chị Lê Hoàng Yến T2 trình bày: chị là con ruột của bà M và ông S. Từ năm 2010 thì ông S đi làm ở Biên Hoà và chỉ về nhà khi có việc. Từ đó đến nay ông S có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ, những người này còn gửi tin nhắn và những hình ảnh nhạy cảm giữa họ và ông S cho bà M để thách thức. Dù được gia đình khuyên ngăn nhiều lần nhưng ông S vẫn không thừa nhận mà còn chửi bới lại bà M. Bản thân chị nhận thấy cha mẹ chị không thể tiếp tục chung sống vì giữa cha mẹ không còn tình cảm, càng về sau thì mâu thuẫn giữa cha mẹ ngày càng nhiều hơn, mẹ chị cũng chịu đựng quá nhiều trong thời gian dài.

* Quan điểm của Viện kiểm sát:

- Về tố tụng: Về thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, thư ký là đúng quy định; quyền và lợi ích của đương sự được đảm bảo; việc xét xử vắng mặt đương sự là đúng quy định pháp luật tố tụng.

- Về áp dụng pháp luật và quan điểm giải quyết vụ án: bà M và ông S kết hôn chung sống với nhau không hạnh phúc, hay bất đồng quan điểm, lối sống không hợp nên thường xảy ra cãi vã. Ông bà không còn chung sống với nhau từ năm 2010 đến nay, thời gian cũng đã lâu nhưng không hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Hơn nữa, theo lời trình bày của bà M và con gái thì ông S đã có mối quan hệ ngoài luồng với nhiều người phụ nữ khác. Bà M đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông S không thay đổi. Điều này chứng tỏ giữa ông bà không còn tình cảm và sự tôn trọng lẫn nhau. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung của ông bà không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị căn cứ Điều 131 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, áp dụng Điều 40 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cho bà M được ly hôn ông S. Con chung đã trưởng thành nên không xem xét; tài sản chung, nợ chung không ai yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Bà M nộp án phí ly hôn là 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, căn cứ vào lời khai của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: bà Võ Thị M có đơn khởi kiện đối với ông Lê Phước S yêu cầu ly hôn nên xác định đây là vụ án "Ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS), trong đó bà M

là nguyên đơn, ông S là bị đơn và có nơi đăng ký thường trú tại huyện Cẩm Mỹ nên thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Cẩm Mỹ.

Nguyên đơn vắng mặt nhưng có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên toà lần thứ hai mà không vì sự kiện bất khả kháng hay trở ngại khách quan nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự là phù hợp quy định tại Điều 227, Điều 228 của BLTTDS.

[2] Về pháp luật áp dụng: bà M và ông S chung sống và kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, huyện Cẩm Mỹ năm 1988, nên căn cứ Điều 5, 6 và Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 xác định là hôn nhân hai ông bà là hợp pháp. Đối với căn cứ pháp luật cho ly hôn: do bà M làm đơn yêu cầu ly hôn vào tháng 6/2022, nên pháp luật áp dụng để giải quyết vụ án ly hôn trên là theo Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014.

[3] Về nội dung vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị M và ông Lê Phước S đã đăng ký kết hôn và được UBND xã X cấp gấy chứng nhận kết hôn số ROO 28 ngày 20/4/1988, hôn nhân giữa hai người là hợp pháp.

Xét yêu cầu xin ly hôn của bà M nhận thấy: mặc dù không thu thập được lời khai của bị đơn để xác định mâu thuẫn vợ chồng nhưng theo lời khai của người làm chứng Lê Hoàng Yến T1, là con chung của bà M và ông S, chị T1 xác định bắt đầu từ năm 2010 thì ông S đã nhiều lần có quan hệ tình cảm với nhiều người phụ nữ. Dù gia đình đã nhiều lần khuyên ngăn, bà M cũng nhiều lần tha thứ nhưng ông S vẫn không thay đổi. Bà M yêu cầu không hoà giải; bản thân ông S cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu ly hôn của bà M chứng tỏ mâu thuẫn giữa hai người là có thật và đã trầm trọng tới mức không ai muốn hàn gắn tình cảm vợ chồng, mục đích hôn nhân không đạt được. Với nhận định trên, xét yêu cầu ly hôn của bà M là có cơ sở chấp nhận.

- Về con chung: Đã trưởng thành nên không xem xét.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

[4] Án phí: Bà Võ Thị M phải nộp án phí theo quy định.

[5] Quan điểm đường lối giải quyết vụ án của Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 266, 271 và Điều 273 của BLTTDS; Điều 5, 6 và Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; Điều 56, 131 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn là bà Võ Thị M.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Võ Thị M được ly hôn với ông Lê Phước S.

2. Về con chung: Đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không xem xét.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không ai yêu cầu nên không xem xét.

4. Về án phí: Bà Võ Thị M phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí mà bà M đã nộp tại biên lai thu tiền số 0001346 ngày 22/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cẩm Mỹ; bà M đã nộp đủ án phí.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận tống đạt hợp lệ bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Cẩm Mỹ;
- Chi cục THADS huyện Cẩm Mỹ;
- UBND xã Xuân Mỹ;
- Các đương sự;
- Lưu án văn;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Phạm Thị Tường Vy